

HƯỚNG DẪN

Thực hiện một số chỉ tiêu của tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; tiêu chí số 17 về Môi trường và tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Công văn số 2155/BTNMT-TCMT ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu của tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm (17.2, 17.3, 17.6, 17.7, 17.11, 17.12) thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; tiêu chí số 17 về Môi trường (17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.10, 17.12) và tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống (18.8) thuộc bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường với những nội dung cụ thể như sau:

A. BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI

Hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm (17.2, 17.3, 17.6, 17.7, 17.11, 17.12) như sau:

1. Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (BVMT): Đạt $\geq 95\%$

1.1. Yêu cầu thực hiện

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình và các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh):

- Cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch¹.

- Có Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); cam kết BVMT, kế hoạch BVMT, Đề án BVMT được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có Báo cáo ĐTM;

¹ Luật BVMT 2020 quy định: “Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch...” (điểm a khoản 1 Điều 58); Luật Quy hoạch 2017 và các văn bản liên quan;

Giấy phép môi trường hoặc Đăng ký môi trường được cấp có thẩm quyền cấp/tiếp nhận theo quy định².

- Có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định³. Chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH) được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định⁴. Nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định⁵. Quản lý bụi, khí thải theo quy định⁶. Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật BVMT về thuế, phí, lệ phí.

- *Ngoài ra*, đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản cần đáp ứng:

+ Quy định về quản lý nhà nước hoạt động thủy sản⁷.

+ Không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản theo quy định⁸.

+ Đáp ứng yêu cầu theo các quy định về điều kiện nuôi thủy sản như: QCVN 02-22:2015/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt - Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và BVMT; QCVN 02-19:2014/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, BVMT và an toàn thực phẩm; QCVN 01-80:2011/BNNPTNT - Cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm - Điều kiện vệ sinh thú y⁹.

b) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường¹⁰:

- Cơ sở sản xuất tiêu thụ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch (nếu có).

- Có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định. CTR, CTNH được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định. Quản lý bụi, khí thải theo quy định. Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật BVMT về thuế, phí, lệ phí (nếu có).

c) Đối với làng nghề được công nhận:

² Luật BVMT 2020 quy định về Báo cáo ĐTM, Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường (tại Điều 30, 31, 39, 49, 171); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (tại Điều 25, 31, 32...);

³ Luật BVMT 2020 yêu cầu về BVMT đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (khoản 3 Điều 40, Điều 53);

⁴ Luật BVMT 2020 về yêu cầu quản lý chất thải (khoản 1, 4 Điều 72); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (tại Điều 56, 57, 65, 66, 67, 71, 72...);

⁵ Luật BVMT 2020 về yêu cầu quản lý chất thải và nước thải (khoản 2, 7 Điều 72 và khoản 2, 3 Điều 86);

⁶ Luật BVMT 2020 (Điều 53, khoản 3 Điều 72, 88, 112...); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 58);

⁷ Luật Thủy sản 2017 (Điều 38, 41);

⁸ Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ NN&PTNT ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam;

⁹ Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/4/2015 của Bộ NN&PTNT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản; Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ NN&PTNT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản;

¹⁰ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Phụ lục 16);

- Có Quyết định công nhận làng nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt¹¹.
- Có phương án BVMT làng nghề được UBND cấp huyện phê duyệt¹².
- Có tổ chức tự quản về BVMT¹³.
- Có hạ tầng về BVMT làng nghề¹⁴, bao gồm:
 - + Có hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề.
 - + Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có) bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT.
 - + Có điểm tập kết CTR đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về BVMT; khu xử lý CTR (nếu có) bảo đảm quy định về quản lý CTR hoặc có phương án vận chuyển CTR đến khu xử lý CTR nằm ngoài địa bàn.
 - + Các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về BVMT. Công trình BVMT của cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định¹⁵;
 - + Cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật BVMT năm 2020 và tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành, nghề sản xuất theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền¹⁶.

1.2. Hướng dẫn đánh giá

* Phương pháp đánh giá

- Thống kê số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường (**yêu cầu bắt buộc đạt 100%**); cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường (*không bao gồm cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (gồm khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế) và trong cụm công nghiệp*).

- Thống kê số lượng làng nghề được công nhận (*bao gồm các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong làng nghề*).

* Phương pháp xác định

¹¹ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 25); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 13 Điều 168);

¹² Luật BVMT 2020 (Khoản 1 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 2, 3 Điều 33);

¹³ Luật BVMT 2020 (Khoản 1 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 4 Điều 33);

¹⁴ Luật BVMT 2020 (Khoản 1 Điều 56);

¹⁵ Luật BVMT 2020 (Khoản 2 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 34);

¹⁶ Luật BVMT 2020 (Khoản 2 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 35);

Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT (%) = Số cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT / Tổng số cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn x 100 (*Tỷ lệ % và số lượng cụ thể*).

1.3. Hồ sơ minh chứng

- Biên bản của xã về rà soát, đánh giá chỉ tiêu trong đó đánh giá cụ thể tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn xã, kèm số liệu chi tiết và hình ảnh liên quan (nếu có).

- Bảng Thống kê danh sách cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã (***Đính kèm Phụ lục 1***).

- Quyết định phê duyệt hồ sơ môi trường (nếu có).

- Các hồ sơ minh chứng kết quả thực hiện công tác BVMT của cơ sở (nếu có).

- Đối với làng nghề:

+ Quyết định công nhận làng nghề. Quyết định phê duyệt phương án BVMT làng nghề.

+ Quyết định thành lập tổ chức tự quản BVMT làng nghề, Quy chế BVMT làng nghề; Hồ sơ hạ tầng BVMT (nếu có).

2. Chỉ tiêu 17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung: Đạt

2.1. Yêu cầu thực hiện

- **Cảnh quan không gian xanh:** Đường xã, liên xã, đường trục ấp, liên ấp và các khu vực công cộng trồng cây xanh, cây bóng mát (*chi tiết cây xanh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại chỉ tiêu số 17.4 là các loại cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích (bao gồm cả cây bóng mát, cây ăn quả lâu năm; không bao gồm cây thân thảo, vườn hoa, thảm cỏ*).

- **Cảnh quan không gian sạch:** Đường trục ấp, liên ấp được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý¹⁷; kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ; không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải dưới kênh mương thoát nước.

- **Cảnh quan không gian đẹp:** Đường trục ấp, liên ấp được trồng hoa hoặc cây cảnh; tỷ lệ hộ gia đình chính trang nhà ở, cải tạo vườn tạp.

- **An toàn:** Hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định¹⁸; khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích cần được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý; có kế hoạch và thực hiện kế hoạch vệ sinh môi trường thường xuyên, định kỳ¹⁹. Cụ thể:

¹⁷ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 59);

¹⁸ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng quy định (mục 2.16.11.3) (được ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng);

¹⁹ Luật BVMT 2020 (điểm c khoản 2 Điều 59);

- Có phương án/kế hoạch và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương, có sự tham gia của cộng đồng, lồng ghép trong quy ước cụ thể:

(1) Đối với hệ thống cây xanh

- Đầu tư, hoàn thiện hệ thống cây xanh (gồm cả cây bóng mát, cây cảnh, cây hoa và thảm cỏ...) đảm bảo các yêu cầu chủ yếu sau:

+ Phù hợp với quy hoạch được phê duyệt; không gian xanh, bao gồm không gian xanh tự nhiên (rừng, thảm thực vật ven sông và ven biển) và không gian xanh nhân tạo (công viên, vườn hoa,...) phải được gắn kết với nhau thành một hệ thống liên hoàn; kết hợp với quy hoạch trồng cây phòng hộ ngoài đồng ruộng, cây phòng hộ chống cát ven biển, cây chống xói mòn để tạo thành một hệ thống cây xanh trong xã.

+ Ưu tiên sử dụng các loại cây xanh bản địa, đặc trưng vùng miền và phù hợp với khu vực nông thôn, bảo vệ được các cây quý hiếm, cây cổ thụ có giá trị. Việc trồng cây không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng (không trồng cây dễ đổ, gãy); không gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường (không tiết ra chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người); không trồng các loài cây thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại theo quy định²⁰.

+ Ưu tiên trồng cây xanh ở các địa điểm công cộng như: Trụ sở xã, nhà trẻ, trường học, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa thể thao, các chợ, cửa hàng dịch vụ...

(2) Đối với hệ thống ao, hồ sinh thái

Hệ thống ao, hồ sinh thái trong khu dân cư đảm bảo các yêu cầu chủ yếu sau:

- Phù hợp với quy hoạch được phê duyệt.

- Tạo mặt bằng thoáng, điều tiết khí hậu, tạo cảnh quan đẹp.

- Có khả năng phát triển chăn nuôi, thủy sản, tạo nguồn lợi kinh tế (nếu có).

- Nạo vét, tu bổ ao, hồ thường xuyên nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hòa môi trường; có rào chắn, biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người dân.

- Các đoạn sông, kênh, rạch trong xã không có mùi hôi thối, không ứ đọng rác thải; **không có tên trong danh sách các tuyến kênh, mương, đoạn sông đang bị ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh** (trường hợp có tên trong danh sách phải hoàn thành việc cải tạo, khắc phục).

(3) Đối với đường làng ngõ xóm

- Các tuyến đường đã được bê tông hóa hoặc rải cấp phối, đảm bảo không lầy lội khi có mưa.

- Đã xây dựng quy ước về giữ gìn vệ sinh chung trong xã và các hộ gia đình.

²⁰ Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ TN&MT về quy định tiêu chí xác định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại;

- Các hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh. Hàng rào bằng cây phải được cắt tỉa gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông.

- Các tuyến đường trong xã thông thoáng, không lấn chiếm lòng lề đường và không xả rác bừa bãi không đúng vị trí tập kết theo quy định.

- Tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ (có tổ vệ sinh thường xuyên quét dọn vệ sinh, thu gom rác thải về nơi xử lý tập trung theo quy định).

(4) Đối với khu vực công cộng²¹

- Các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông, công viên, khu vui chơi, giải trí, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà...) không có hiện tượng xả nước thải, rác thải không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng. Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, BVMT nơi công cộng.

- Đối với trụ sở UBND xã, trạm y tế, trường học và nhà văn hóa phải được chỉnh trang, không để tồn đọng rác thải bên trong và bên ngoài khuôn viên, trồng cây xanh, cây hoa phù hợp cảnh quan, có nước sinh hoạt, nhà vệ sinh có nước sinh hoạt và được dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ.

- Tăng cường cải tạo khu vực công cộng, ao, hồ,... thành các khu vui chơi giải trí, khu vực tập thể dục, khu sinh hoạt cộng đồng, khu vực học bơi cho trẻ em.

(5) Có quy ước về bảo vệ môi trường: quy ước có nội dung về bảo vệ môi trường đối với từng khu dân cư với sự tham gia của các hộ gia đình; trình tự thủ tục thực hiện quy ước và được UBND cấp huyện phê duyệt theo đúng quy định tại Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ (*quy ước về bảo vệ môi trường có thể xây dựng riêng hoặc lồng ghép với quy ước văn hoá các ấp*).

2.2. Hướng dẫn đánh giá

- Số km đường xã, liên xã, đường trục ấp, liên ấp và các khu vực công cộng được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ... và được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý.

- Số km kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ.

- Diện tích trồng cây xanh $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$ (*Diện tích trồng cây xanh = Tổng diện tích cây xanh được trồng theo trục đường giao thông và các khu vực công cộng tại điểm dân cư nông thôn (m²)/Tổng số nhân khẩu trên địa bàn*).

- $\geq 70\%$ số hộ gia đình có diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh.

- Kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và Kế hoạch 01/KH-UBND của xã đạt loại khá trở lên.

²¹ Luật BVMT 2020 (Điều 59);

2.3. Hồ sơ minh chứng

- Biên bản của xã đánh giá xã đạt các yêu cầu của chỉ tiêu 17.3 trong đó đánh giá xã có cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn, trong đó đánh giá số hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung, kèm số liệu chi tiết và hình ảnh minh họa.

- Văn bản về quy hoạch có liên quan.

- Quy ước có nội dung về BVMT và Quyết định phê duyệt của UBND cấp huyện.

- Quy định/quy chế về giữ gìn vệ sinh, BVMT nơi công cộng; kế hoạch vệ sinh môi trường định kỳ.

- Báo cáo đánh giá, chấm điểm, xếp loại thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và Kế hoạch 01/KH-UBND của xã. Kèm theo Quyết định/văn bản công nhận, xếp loại của cấp huyện.

3. Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt $\geq 85\%$

3.1. Yêu cầu thực hiện

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định (do người dân tự thu gom, xử lý hoặc/và do đơn vị có chức năng thu gom, xử lý): Tổ chức cho hộ gia đình đăng ký dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt để xử lý đúng quy định hoặc đăng ký tự xử lý bằng biện pháp phù hợp như hố chôn rác di động hợp vệ sinh, ủ phân hữu cơ...

+ Thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt²².

+ Xử lý CTR sinh hoạt²³.

+ Có phương án/đề án phù hợp để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh (*Đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển; Chung loại, số lượng phương tiện vận chuyển; Tần suất, lịch trình thu gom đối với từng cụm dân cư; Vị trí các điểm trung chuyển; Phương án chôn lấp chất thải rắn hữu cơ tại các hộ gia đình (nếu có)*).

+ Các hộ gia đình phải có thùng hoặc túi đựng rác tại nhà và được đưa đến địa điểm tập kết rác được quy định để tổ chức thu gom, vận chuyển đến khu xử lý tập trung.

+ Các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom phải thực hiện xử lý chất thải theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, **không được đổ chất thải ra đường, ao hồ, kênh rạch,...**; từng hộ gia đình phải có

²² Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 72, Điều 77); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 58, 61, 63);

²³ Luật BVMT 2020 (Điều 78); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 59, 62);

biện pháp tự xử lý phù hợp như: mô hình phân loại, xử lý tại nguồn (mô hình ủ phân hữu cơ/compost) hoặc hố rác trong khuôn viên đất của gia đình được sử dụng để xử lý theo hướng dẫn của chính quyền địa phương. Hố rác phải có nắp đậy được bố trí hợp lý đảm bảo vệ sinh không làm ảnh hưởng đến môi trường và các gia đình xung quanh.

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động buôn bán của các tiểu thương tại chợ phải được quét dọn, thu gom, xử lý đúng quy định hàng ngày; không được vứt xuống sông, kênh, rạch hoặc hình thành bãi rác tự phát trong khu vực chợ.

+ Không được đốt rác ngoài trời gây ô nhiễm môi trường.

- **CTR không nguy hại gồm:** CTR công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng; phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, xử lý theo quy định:

+ Phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý CTR công nghiệp thông thường²⁴.

+ Chất thải rắn xây dựng: Chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng theo quy định; Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào móng cọc được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp; Bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; Chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định về quản lý chất thải. Chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải phải được tái sử dụng hoặc đổ thải theo quy định; không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

+ Phụ phẩm nông nghiệp (cụ thể là phụ phẩm cây trồng): là sản phẩm phụ phát sinh trong quá trình chăm sóc, thu hoạch, sơ chế sản phẩm cây trồng và sản phẩm cây trồng tại khu vực canh tác. Phụ phẩm nông nghiệp có 02 dạng: Dạng vô cơ (vỏ bao gói, túi đựng, chai lọ, màng phủ, vật chắn, lưới chắn, giá cây...) và dạng hữu cơ (rom rạ, vỏ trái cây, phần thải loại từ hoạt động sơ chế, chế biến). Phụ phẩm nông nghiệp được tái sử dụng và tái chế bằng các biện pháp như: Ủ thành phân hữu cơ truyền thống được sử dụng để làm phân bón cho cây trồng; thu hồi làm nguyên liệu sản xuất cho các ngành khác như: ủ chua làm thức ăn chăn nuôi, làm vật liệu độn chuồng, đệm lót sinh học trong chăn nuôi; làm giá thể trồng nấm, trồng cây; làm than hoạt tính; sử dụng trực tiếp: cày vùi, phủ luống, che phủ gốc cây trồng, che phủ đất...

- UBND xã có tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại đến nhà máy xử lý hoặc bãi chôn lấp hợp vệ sinh.

3.2. Hướng dẫn đánh giá

*** Phương pháp đánh giá**

- Kiểm tra thực tế: Khảo sát các đường chính, các khu thương mại, các công viên, các điểm tập trung dân cư, các đầu mối giao thông và các khu vực công cộng

²⁴ Luật BVMT 2020 (Điều 81, 82);

đảm bảo.

- Thống kê số hộ gia đình đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn, trong đó nêu rõ số hộ tham gia mạng lưới thu gom rác, số hộ gia đình đăng ký tự xử lý bằng biện pháp phù hợp.

- Thống kê khối lượng CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn.

* Phương pháp xác định

- Tỷ lệ rác sinh hoạt trên địa bàn được thu gom và xử lý theo quy định (%) = $(\text{Tổng số hộ tham gia mạng lưới thu gom rác} + \text{Tổng số hộ gia đình đăng ký tự xử lý bằng biện pháp phù hợp}) / \text{Tổng số hộ hiện có trên địa bàn} \times 100$.

- Tỷ lệ CTR không nguy hại được thu gom và xử lý theo quy định (%) = $\text{Tổng khối lượng CTR không nguy hại được thu gom, xử lý} / \text{Tổng khối lượng CTR không nguy hại phát sinh trên địa bàn} \times 100$.

3.3. Hồ sơ minh chứng

- Biên bản của xã về tình hình thu gom, xử lý CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn bao gồm: khối lượng CTR phát sinh, biện pháp thu gom, xử lý, đơn vị thu gom, xử lý, trong đó cụ thể số hộ tham gia mạng lưới thu gom rác, số hộ đăng ký tự xử tại hộ gia đình (nêu rõ biện pháp xử lý). Đính kèm hợp đồng đơn vị thu gom, xử lý.

- Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm: CTR sinh hoạt, CTR không nguy hại).

4. Chỉ tiêu 17.7 Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sau sử dụng và CTR y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT: Đạt 100%

4.1. Yêu cầu thực hiện

- Thu gom, xử lý CTR y tế theo quy định²⁵:

+ Chất thải y tế thông thường phải được phân loại, thu gom riêng biệt với chất thải y tế nguy hại, CTR sinh hoạt và được quản lý như đối với CTR công nghiệp thông thường.

+ Chất thải y tế nguy hại phải được phân loại, thu gom riêng biệt với CTR công nghiệp thông thường và CTR sinh hoạt trước khi đưa vào khu vực lưu giữ tại cơ sở phát sinh theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế.

- Thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng theo quy định²⁶.

4.2. Hướng dẫn đánh giá

* Phương pháp đánh giá

²⁵ Luật BVMT 2020 (Điều 83, 84); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 3, 4 Điều 70); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 42);

²⁶ Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 43);

Báo cáo thuyết minh về công tác thu gom, xử lý chất thải CTR trên địa bàn (bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; CTR y tế) bao gồm: khối lượng CTR phát sinh, biện pháp thu gom, xử lý, đơn vị thu gom, xử lý.

- Đối với CTR y tế: Thống kê khối lượng chất thải y tế và chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế trên địa bàn.

- Đối với bao gói thuốc BVTV: Thống kê khối lượng bao gói thuốc BVTV phát sinh tại các khu vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn. Trong đó nêu rõ các công trình, thiết bị, đã đầu tư để quản lý, xử lý CTNH như: số lượng bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, biện pháp, tần suất thu gom, khối lượng thu gom hằng năm.

* Cách xác định

- Tỷ lệ chất thải y tế và chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế trên địa bàn thu gom, xử lý (%) = Tổng khối lượng chất thải y tế và chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế trên địa bàn được thu gom, xử lý/ Tổng khối lượng chất thải y tế và chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn x 100.

- Tỷ lệ bao gói thuốc BVTV trên địa bàn thu gom, xử lý (%) = Tổng khối lượng bao gói thuốc BVTV trên địa bàn được thu gom, xử lý/ Tổng khối lượng bao gói thuốc BVTV phát sinh trên địa bàn x 100.

4.3. Hồ sơ minh chứng

- Biên bản của xã về: (1) công tác thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn bao gồm: khối lượng CTR phát sinh, biện pháp thu gom, xử lý, đơn vị thu gom, xử lý; (2) công tác thu gom, xử lý CTR y tế, bao gồm: Danh sách cơ sở y tế trên địa bàn khối lượng CTR phát sinh, biện pháp thu gom, xử lý, đơn vị thu gom, xử lý. Đính kèm hợp đồng đơn vị thu gom, xử lý hoặc Sổ giao nhận CTR y tế đối với mô hình Cụm.

- Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR y tế; bao gói thuốc BVTV được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chỉ tiêu 17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn: Đạt $\geq 30\%$

5.1. Yêu cầu thực hiện

- Tổ chức triển khai hoạt động phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân như sau:

+ CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế.

+ Chất thải thực phẩm.

+ CTR sinh hoạt khác.

- Hộ gia đình phát sinh CTR sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại thực hiện quản lý như sau:

+ Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

+ CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân

tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

+ Chất thải thực phẩm nếu không làm phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

+ CTR sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

- Hộ gia đình có trách nhiệm chuyển CTR sinh hoạt đã được phân loại đến điểm tập kết theo quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

5.2. Hướng dẫn đánh giá

* Phương pháp đánh giá:

Báo cáo thuyết minh về tình hình phân loại CTR sinh hoạt của hộ gia đình trên địa bàn.

Tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã (không bao gồm phường, thị trấn), trong đó số hộ có thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

* Phương pháp xác định:

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (%) = Số hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn / Tổng số hộ gia đình trên địa bàn x 100.

5.3. Hồ sơ minh chứng

Biên bản của xã đánh giá về tình hình phân loại CTR sinh hoạt của hộ gia đình trên địa bàn, kèm theo số liệu chi tiết.

6. Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Đạt $\geq 50\%$

6.1. Yêu cầu thực hiện

- Có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoặc mô hình thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa; hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa.

- Tổ chức, cá nhân không thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông và đại dương.

- Chất thải nhựa phải được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật; chất thải nhựa không thể tái chế phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định.

6.2. Hướng dẫn đánh giá

* Phương pháp đánh giá

- Chất thải nhựa, bao gồm:

+ Sản phẩm nhựa sử dụng một lần là các sản phẩm (trừ sản phẩm gắn kèm không thể thay thế) bao gồm khay, hộp chứa đựng thực phẩm, bát, đĩa, ly, cốc, dao, thìa, dĩa, ống hút, dụng cụ ăn uống khác có thành phần nhựa được thiết kế và đưa ra

thị trường với chủ đích để sử dụng một lần trước khi thải bỏ ra môi trường²⁷.

+ Bao bì nhựa khó phân hủy sinh học là bao bì có thành phần chính là polyme có nguồn gốc từ dầu mỏ như nhựa Polyme Etylen (PE), Polypropylen (PP), Polyme Styren (PS), Polyme Vinyl Clorua (PVC), Polyethylene Terephthalate (PET) và thường khó phân hủy, lâu phân hủy trong môi trường thải bỏ (môi trường nước, môi trường đất hoặc tại bãi chôn lấp CTR).

- Nguồn gốc phát sinh: Chất thải nhựa phát sinh từ hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; hoạt động kinh tế trên biển (du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và tài nguyên khoáng sản biển, nuôi trồng và khai thác thủy sản...); hoạt động sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, cá nhân, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và từ các khu vực công cộng.

* Phương pháp xác định

Tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý (%) = Khối lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý/ Tổng khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn x 100.

(Hiện nay chưa có quy định hoặc hướng dẫn cụ thể đối với hệ số phát thải nhựa. Hệ số này hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội, phong tục tập quán của từng địa phương. Theo “Nghiên cứu khảo sát hiện trạng chất thải nhựa tại Việt Nam” năm 2019 do Th.s Trần Thu Hương - Cán bộ kỹ thuật cấp cao, WWF – Việt Nam thì tỉ lệ chất thải nhựa trung bình các tỉnh thành phố chiếm khoảng 17,8% tổng khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh. Do vậy, nếu địa phương chưa có số liệu điều tra, khảo sát, tùy tình hình thực tế có thể tham khảo, vận dụng tại địa phương).

6.3. Hồ sơ minh chứng

- Biên bản của xã đánh giá về tình hình chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, xử lý, kèm theo số liệu chi tiết.

- Kế hoạch/Phương án hoặc mô hình thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa.

B. BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

I. Hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường (17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.10, 17.12)

1. Chỉ tiêu 17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Đạt

1.1. Yêu cầu thực hiện

Khu kinh doanh, dịch vụ (chợ, bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế); Khu chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm); khu nuôi trồng thủy sản (nếu có): Có hạ tầng kỹ thuật BVMT, bao gồm: Hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và công trình BVMT khác²⁸, cụ thể:

²⁷ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 14 Điều 3);

²⁸ Luật BVMT 2020 (khoản 24 Điều 3);

- Có hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện quan trắc môi trường theo quy định²⁹.

- Có công trình BVMT theo quy định, bao gồm³⁰:

+ Công trình xử lý chất thải là công trình, thiết bị xử lý nước thải, bụi, khí thải, CTR và CTNH.

+ Công trình thu gom, lưu giữ CTR là công trình, thiết bị thu gom, lưu giữ CTR thông thường, CTR nguy hại để đáp ứng yêu cầu phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, vận chuyển CTR đến địa điểm xử lý hoặc tái sử dụng, tái chế.

+ Công trình BVMT khác.

1.2. Hướng dẫn đánh giá

Nêu rõ Khu kinh doanh, dịch vụ; Khu chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), Khu nuôi trồng thủy sản trên địa bàn Có/không có hạ tầng kỹ thuật về BVMT.

1.3. Hồ sơ minh chứng

- Bảng thống kê Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản trên địa bàn (**Đính kèm Phụ lục 2**).

- Hồ sơ về hệ thống thu gom, thoát nước mưa;

- Báo cáo giám sát môi trường định kỳ (số liệu quan trắc môi trường);

- Hồ sơ công trình BVMT được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (BVMT): Đạt 100%

Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.2 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tại phần A.

3. Chỉ tiêu 17.3. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom và xử lý theo quy định: Đạt $\geq 95\%$

Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.6 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tại phần A.

4. Chỉ tiêu 17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: Đạt $\geq 35\%$

4.1. Yêu cầu thực hiện

- BVMT đối với hộ gia đình³¹: Có công trình vệ sinh theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định.

²⁹ Luật BVMT 2020 (Điều 111, 112);

³⁰ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 46);

³¹ Luật BVMT 2020 (điểm b, e khoản 1 Điều 60);

- Biện pháp phù hợp bao gồm: Bể tự hoại, bể lọc kỵ khí có vách ngăn, bể tự hoại cải tiến có vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dùng hướng lên; hồ kỵ khí, hồ hiếu khí, hồ ổn định; bãi lọc trồng cây; bể phản ứng theo mẻ, các công nghệ khác³².

4.2. Hướng dẫn đánh giá

*** Phương pháp đánh giá**

- Số hộ gia đình thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.

*** Phương pháp xác định**

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp, công trình phù hợp (%) = Tổng số hộ thực hiện thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp / Tổng số hộ trên địa bàn x 100.

4.3. Hồ sơ minh chứng

Danh sách thống kê các hộ gia đình thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (**Đính kèm Phụ lục 3**).

5. Chỉ tiêu 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn: Đạt $\geq 50\%$

Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.11 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tại phần A.

6. Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ CTR nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về BVMT: Đạt 100%

6.1. Yêu cầu thực hiện

- Thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại theo quy định:
- + Cơ sở y tế phải đáp ứng yêu cầu về BVMT³³.
- + Thực hiện theo quy định về quản lý CTNH³⁴.
- Thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng theo quy định³⁵.
- Thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh³⁶.

6.2. Hướng dẫn đánh giá

³² Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (xử lý nước thải phi tập trung) (khoản 4 Điều 1);

³³ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 62); Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

³⁴ Luật BVMT 2020 (Điều 83, 84); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 68, 69, 70); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 42);

³⁵ Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 43);

³⁶ Luật BVMT 2020 (Điều 71); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 2 Điều 70);

* Phương pháp đánh giá

Thống kê khối lượng CTR nguy hại (theo từng loại) phát sinh trên địa bàn; biện pháp thu gom, xử lý, đơn vị thu gom, xử lý.

* Phương pháp xác định

Tỷ lệ CTR nguy hại được thu gom và xử lý theo quy định (%) = Tổng khối lượng CTR nguy hại được thu gom, xử lý/ Tổng khối lượng CTR nguy hại phát sinh trên địa bàn x 100.

6.3. Hồ sơ minh chứng

- Danh sách thống kê công tác thu gom, xử lý chất thải CTR nguy hại trên địa bàn (*Đính kèm Phụ lục 4*).

- Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: Đạt $\geq 10\%$

7.1. Yêu cầu thực hiện

- Hỏa táng (bao gồm cả điện táng) là thực hiện việc thiêu thi hài hoặc hài cốt ở nhiệt độ cao³⁷.

- Phải được thực hiện tại cơ sở hỏa táng theo quy định của pháp luật về mai táng, hỏa táng³⁸.

7.2. Hướng dẫn đánh giá

Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%) = Số ca hỏa táng / Số ca tử vong trên địa bàn x 100%.

7.3. Hồ sơ minh chứng

- Báo cáo về việc thực hiện hình thức hỏa táng trên địa bàn (có số liệu cụ thể).

8. Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Đạt $\geq 70\%$

Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.12 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tại phần A.

II. Hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 18.8 thuộc tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

Chỉ tiêu 18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: Đạt 100%

1. Yêu cầu thực hiện

- Bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đang hoạt động (nếu có): phải đảm bảo vệ sinh

³⁷ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng (khoản 10 Điều 2);

³⁸ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng quy định: *Cơ sở hỏa táng là cơ sở vật chất bao gồm lò hỏa táng và các công trình phụ trợ khác (khu văn phòng, khu kỹ thuật, khu lưu trữ tro cốt, nhà tang lễ, các công trình hạ tầng kỹ thuật)* (khoản 12 Điều 2, Điều 19);

môi trường theo quy định³⁹.

- Bãi chôn lấp CTR sinh hoạt sau khi đóng bãi và bãi chôn lấp CTR sinh hoạt không hợp vệ sinh phải được xử lý ô nhiễm, cải tạo đáp ứng yêu cầu về BVMT⁴⁰.

2. Hướng dẫn đánh giá

* Phương pháp đánh giá

- Thống kê số lượng bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đang hoạt động trên địa bàn.
- Thống kê số lượng bãi chôn lấp CTR sinh hoạt sau khi đóng bãi và bãi chôn lấp CTR sinh hoạt không hợp vệ sinh hiện có.

* Phương pháp xác định

- Tỷ lệ bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường (%) = $\frac{\text{Tổng số bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường}}{\text{Tổng số bãi chôn lấp CTR sinh hoạt hiện có trên địa bàn}} \times 100$.

3. Hồ sơ minh chứng

- Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Báo cáo về quản lý các bãi chôn lấp trên địa bàn gồm: Danh sách, biện pháp quản lý, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

** Ghi chú: Đối với Biên bản đánh giá của xã đối với các chỉ tiêu kèm theo hồ sơ minh chứng. Tùy tình hình thực tế của địa phương, xã có thể lập Biên bản đánh giá từng chỉ tiêu hoặc đánh giá chung các chỉ tiêu đã thực hiện.*

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND xã tự đánh giá mức độ đạt được từng chỉ tiêu, có tham khảo và thống nhất với các đơn vị có liên quan (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/Phòng Kinh tế đối với thị xã; Trạm Y tế xã; Tổ, đội, đơn vị thu gom rác...) và chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố: chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường triển khai hướng dẫn đến các xã, tổ chức thẩm tra, đánh giá kết quả báo cáo của xã đối với các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực phụ trách của Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn và có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định (đối với xã đạt tiêu chí).

Trên đây là hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá, thẩm định và công nhận xã hoàn thành tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm (17.2, 17.3, 17.6, 17.7, 17.11, 17.12) thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; tiêu chí số 17 về Môi trường (17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.10, 17.12) và tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống (18.8) thuộc bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

³⁹ QCVN 25:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp CTR; TCVN 6696:2009 - Chất thải rắn - Bãi chôn lấp hợp vệ sinh - Yêu cầu chung về BVMT; QCVN 07-9:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình quản lý CTR và nhà vệ sinh công cộng;

⁴⁰ Luật BVMT 2020 (Điều 80);

Trong quá trình triển khai thực hiện hướng dẫn, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, đề nghị quý Cơ quan gửi văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Phòng Quản lý môi trường) để tổng hợp, rà soát, hoàn thiện đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn và các quy định của pháp luật hiện hành.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính gửi Quý cơ quan để biết và thực hiện đúng quy định.

Trân trọng kính gửi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BCD các CTMTQG tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- VPĐP NTM tỉnh;
- VPĐP NTM các huyện, TX, TP;
- Phòng TNMT các huyện, TX, TP;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, MT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Tuấn

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Bảng thống kê danh sách cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản/làng nghề

(Tính đến ngày tháng năm)

| STT | Tên cơ sở | Địa chỉ (ấp...) | Tên chủ đầu tư | Loại hình/Ngành nghề | Quy mô sản xuất | Thủ tục pháp lý về môi trường (QĐ/số giấy xác nhận, ngày cấp, CQ cấp ...) | Các công trình, biện pháp BVMT |
|-----|-----------|-----------------|----------------|------------------------|-----------------|---|---------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 1 | Cơ sở A | Ấp A | Trần Văn A | Sản xuất nước đá | | Ví dụ: Quyết định số 113/QĐ-UBND, ngày 10/10/2010 của... | Hầm tự hoại, thùng chứa rác,... |
| 2 | Cơ sở B | Ấp B | Trần Thị H | Sản xuất chăn nuôi heo | | Ví dụ: Giấy xác nhận số 12/GXN-UBND, ngày 10/2/2016 của | Hệ thống XLNT |
| ... | | | | | | | |

Ghi chú:

- Cột 7: “**Thủ tục pháp lý về môi trường**”: Liệt kê rõ hồ sơ môi trường cơ sở được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận như: số Quyết định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận, Bản cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường.

- Cột 8: **Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường** như: Hầm Biogas, bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải,...

Lập bảng

UBND xã.....

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN**XÃ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Bảng thống kê Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản
trên địa bàn
(Tính đến ngày..... tháng năm)**

| STT | Tên Khu: KDDV/CNGMGS GC/NTTS | Tổng số cơ sở | Số cơ sở có hồ sơ, thủ tục về môi trường | Số cơ sở có công trình, biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường | Số cơ sở tuân thủ các quy định về BVMT | Ghi chú |
|------------|--|---------------|--|---|--|---------|
| I | Khu kinh doanh, dịch vụ | | | | | |
| 1 | ... | | | | | |
| 2 | ... | | | | | |
| | <i>Tổng</i> | | | | | |
| II | Chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm) | | | | | |
| 1 | ... | | | | | |
| 2 | ... | | | | | |
| | <i>Tổng</i> | | | | | |
| III | Nuôi trồng thủy sản | | | | | |
| 1 | ... | | | | | |
| 2 | ... | | | | | |
| | <i>Tổng</i> | | | | | |

Lập bảng

 UBND xã.....
 (Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng... năm 20...

DANH SÁCH

**Thống kê số hộ gia đình thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt
bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả trên địa bàn xã
(Tính đến ngày..... tháng năm)**

| TT | Họ và tên chủ hộ | Địa chỉ (ấp) | Khối lượng nước thải phát sinh tính theo ngày đêm | Công trình/biện pháp xử lý đã triển khai | Đạt | Không đạt |
|------------------|------------------|--------------|---|--|-----|-----------|
| | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | |
| Tỷ lệ | | | | | | |

* Ghi chú: Cập nhật tất cả hộ gia đình trên địa bàn xã, qua đó đánh giá tỷ lệ

Lập bảng

UBND xã.....
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Danh sách thống kê công tác thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại trên địa bàn
(Tính đến ngày tháng năm)

| TT | Loại chất thải nguy hại | Khối lượng phát sinh | Khối lượng được thu gom xử lý | Tỷ lệ (%) |
|-------------|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|---------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) = (4) / (3)*100 |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |
| Tổng | | | | |

Lập bảng

UBND xã.....
(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN VÀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày /8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Ngày 28/7/2022 Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2169/STNMT-QLMT lấy ý kiến dự thảo hướng dẫn các đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Đến ngày 10/8/2022 có 02/10 đơn vị có ý kiến góp ý (Sở Y tế và UBND huyện Châu Thành), các đơn vị còn lại thống nhất với dự thảo, cụ thể như sau:

| TT | Đơn vị | Nội dung đóng góp chỉnh sửa | Nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp |
|----|-----------------------|---|--|
| 01 | Sở Y tế | Tại trang 10 mục 4.3. Hồ sơ chứng minh - “Biên bản của xã về... Đính kèm hợp đồng đơn vị thu gom, xử lý” đề nghị thêm vào cụm từ hoặc Sổ giao nhận CTR y tế đối với mô hình Cụm. Thành - Biên bản của xã về... Đính kèm hợp đồng đơn vị thu gom, xử lý hoặc Sổ giao nhận CTR y tế đối với mô hình Cụm. | Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến và đã cập nhật bổ sung vào hướng dẫn tại Mục 4.3 trang 10. |
| | | Trong văn bản hướng dẫn, đề nghị thay đổi cụm từ “bệnh viện, cơ sở y tế” thành “cơ sở y tế” vì: Cơ sở y tế đã có bao gồm bệnh viện rồi. | Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến và đã rà soát, cập nhật thay đổi vào toàn bộ hướng dẫn tại trang 10, 11, 14. |
| 02 | UBND huyện Châu Thành | - Trang số 6 Mục 2.3 Hồ sơ chứng minh Đề nghị hồ sơ minh chứng phải có Báo cáo kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại thực hiện chỉ thị số 15-CT/TU hàng năm cấp xã đạt loại khá trở lên. | Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến và đã cập nhật bổ sung vào hướng dẫn tại Mục 2.3. |
| | | - Trang số 8 Mục 3.3. Hồ sơ chứng minh Có nội dung (...Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm: CTR sinh hoạt, CTR không nguy hại, chất thải nhựa, bao gói thuốc BVTV). Đề nghị bỏ từ “chất thải nhựa, bao gói thuốc BVTV” | Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến và đã cập nhật thay đổi vào hướng dẫn tại Mục 3.3 trang 8. |
| | | - Trang số 10 Mục 4.3. Hồ sơ chứng minh Đề nghị sửa từ “Biên bản” thành “Báo cáo” Đề nghị chỉnh sửa câu ”Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý | Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến và đã cập nhật bổ sung “Báo cáo thuyết minh” vào hướng dẫn tại Mục 4.2 trang 10 (giữ lại |

| | | | |
|--|--|---|---|
| | | <p>CTR y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt” thành ”Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR y tế, bao gói thuốc BVTV được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.</p> <p>Bổ sung nội dung về mô hình thu gom bao gói thuốc BVTV trên địa bàn xã (số lượng bể chứa, tần suất thu gom, khối lượng thu gom hằng năm).</p> | <p>“Biên bản” như dự thảo).</p> |
| | | <p>- Trang số 11 Mục 5.3. Hồ sơ chứng minh Đề nghị sửa từ “Biên bản” thành “Báo cáo”</p> | <p>Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến và đã cập nhật bổ sung “Báo cáo thuyết minh” vào hướng dẫn tại Mục 5.2 trang 11 (giữ lại “Biên bản” như dự thảo)..</p> |
| | | <p>- Trang số 12 Mục 6.2. Hướng dẫn đánh giá <i>* Phương pháp xác định</i> Đề nghị căn cứ nội dung Hướng dẫn 04/STNMT ngày 04/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường bổ sung như sau: (Hiện nay chưa có quy định hoặc hướng dẫn cụ thể đối với hệ số phát thải nhựa. Hệ số này hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội, phong tục tập quán của từng địa phương. Theo “Nghiên cứu khảo sát hiện trạng chất thải nhựa tại Việt Nam” năm 2019 do Th.s Trần Thu Hương - Cán bộ kỹ thuật cấp cao, WWF – Việt Nam thì tỉ lệ chất thải nhựa trung bình các tỉnh thành phố chiếm khoảng 17,8% tổng khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh. Do vậy, nếu địa phương chưa có số liệu điều tra, khảo sát, tùy tình hình thực tế có thể tham khảo, vận dụng).</p> | <p>Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến và đã cập nhật bổ sung vào hướng dẫn tại Mục 6.2.</p> |
| | | <p>- Trang số 12 mục 1.2. Hướng dẫn đánh giá Có nêu nội dung: “Nêu rõ trên địa bàn Có/không có Khu kinh doanh, dịch vụ; Khu chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), Khu nuôi trồng thủy sản, trường hợp có thì Có/không có hạ tầng kỹ thuật về BVMT” Đề nghị chỉnh lại như sau: “Nêu rõ Khu kinh doanh, dịch vụ; Khu chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), Khu nuôi trồng thủy sản trên địa bàn Có/không có hạ tầng kỹ thuật về BVMT”.</p> | <p>Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến và đã cập nhật bổ sung vào hướng dẫn tại Mục 1.2.</p> |